

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG ANH NÂNG CAO

Tóm Tắt Cấu Trúc: Adjective + Preposition (P2 - Mở Rộng & Luyện Thi)

CEFR Level: B1 - C2 | Word Form Transformation & Academic Writing

"Biến đổi từ loại thật linh hoạt,
Văn phong học thuật vững thành công!"

1. Bản Chất Sự Chuyển Đổi

Cấu trúc này tập trung vào việc biến đổi một mệnh đề đi kèm hoặc ý tưởng từ câu trước thành một cụm Danh từ (Noun) hoặc Danh động từ (V-ing) đi sau cặp Tính từ + Giới từ [cite: 48].

- Mẫu câu cốt lõi:** *S + be + adj + prep. + {Noun / V-ing}* [cite: 48]
- Ví dụ phân tích:**
 - *Câu gốc:* They're willing to work hard and we are surprised about that [cite: 48].
 - *Câu biến đổi:* We're surprised about their willingness to work hard [cite: 48].
 - *Phân tích kỹ thuật:* Tính từ **willing** chuyển thành danh từ **willingness** và thêm tính từ sở hữu **their** [cite: 48].

2. Hệ Thống Ví Dụ Minh Họa Mở Rộng (15+ Tình Huống Biến Đổi Nâng Cao)

Dưới đây là hệ thống ví dụ phong phú kèm theo từ loại (Word Family), bản dịch tiếng Việt theo nguyên tắc "*Dịch là Diệt (To translate is the same to kill)*" và giải thích chi tiết giúp học sinh luyện thi:

Câu gốc / Ý tưởng (Original Idea)	Câu biến đổi (Adj + Prep + Noun/V-ing)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
They're willing to work hard and we are surprised about that [cite: 48].	We're surprised about their willingness to work hard [cite: 48].	Willing (adj), Willingness (n) (Word Family: will, willing, willingness)	Bản dịch: Chúng tôi ngạc nhiên về sự sẵn lòng làm việc chăm chỉ của họ [cite: 48]. <i>Giải thích:</i> Đổi từ willing sang willingness, thêm their [cite: 48].
He succeeded because he practiced daily, and we are proud of that.	We are proud of his daily practice .	Practice (n, v) (Word Family: practice, practical, practically)	Bản dịch: Chúng tôi tự hào về việc luyện tập hàng ngày của anh ấy. <i>Giải thích:</i> Biến mệnh đề thành cụm danh từ với "proud of".
She failed the test, and she was disappointed about that.	She was disappointed about her failure in the test .	Fail (v), Failure (n) (Word Family: fail, failure, failing)	Bản dịch: Cô ấy thất vọng về sự thất bại trong bài kiểm tra. <i>Giải thích:</i> Đổi fail thành failure, dùng her.
They cooperated well, and we are grateful for that.	We are grateful for their good cooperation .	Cooperate (v), Cooperation (n) (Word Family: cooperate, cooperation, cooperative)	Bản dịch: Chúng tôi biết ơn vì sự hợp tác tốt đẹp của họ. <i>Giải thích:</i> Chuyển cooperate thành cooperation.
He was absent, which made the teacher angry.	The teacher was angry about his absence .	Absent (adj), Absence (n)	Bản dịch: Giáo viên tức giận về sự vắng mặt của anh ấy.

Câu gốc / Ý tưởng (Original Idea)	Câu biến đổi (Adj + Prep + Noun/V-ing)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
		(Word Family: <i>absent, absence, absentee</i>)	<i>Giải thích:</i> Đổi <i>absent</i> thành <i>absence</i> .
They decided quickly, and everyone was surprised at that.	Everyone was surprised at their quick decision .	Decide (v), Decision (n) (Word Family: <i>decide, decision, decisive</i>)	Bản dịch: Mọi người ngạc nhiên trước quyết định nhanh chóng của họ. <i>Giải thích:</i> Chuyển <i>decide</i> thành <i>decision</i> .
She is confident that she will win, and we are aware of that.	We are aware of her confidence in winning .	Confident (adj), Confidence (n) (Word Family: <i>confide, confident, confidence</i>)	Bản dịch: Chúng tôi nhận thức được sự tự tin chiến thắng của cô ấy. <i>Giải thích:</i> Đổi <i>confident</i> thành <i>confidence</i> .
The city grew rapidly, and residents were excited about that.	Residents were excited about the city's rapid growth .	Grow (v), Growth (n) (Word Family: <i>grow, growth, growing</i>)	Bản dịch: Người dân phấn khích về sự phát triển nhanh chóng của thành phố. <i>Giải thích:</i> Dùng sở hữu cách "city's growth".
He solved the puzzle, which was brilliant. We were amazed at that.	We were amazed at his brilliant solution .	Solve (v), Solution (n) (Word Family: <i>solve, solution, solvable</i>)	Bản dịch: Chúng tôi kinh ngạc trước giải pháp xuất sắc của anh ấy. <i>Giải thích:</i> Đổi <i>solve</i> thành <i>solution</i> .
She speaks fluently, and her friends are envious of that.	Her friends are envious of her fluent speaking .	Fluent (adj), Fluency (n) (Word Family: <i>fluent, fluency, fluently</i>)	Bản dịch: Bạn bè ghen tị với khả năng nói lưu loát của cô ấy. <i>Giải thích:</i> Dùng danh động từ / danh từ.
They arrived late, and the manager was annoyed about that.	The manager was annoyed about their late arrival .	Arrive (v), Arrival (n) (Word Family: <i>arrive, arrival, arriving</i>)	Bản dịch: Người quản lý khó chịu về việc họ đến muộn. <i>Giải thích:</i> Đổi <i>arrive</i> thành <i>arrival</i> .
He is creative, and we are impressed by that.	We are impressed by his creativity .	Create (v), Creativity (n) (Word Family: <i>create, creative, creativity</i>)	Bản dịch: Chúng tôi ấn tượng bởi sự sáng tạo của anh ấy. <i>Giải thích:</i> Chuyển <i>creative</i> thành <i>creativity</i> .
She responded quickly, and they were satisfied with that.	They were satisfied with her quick response .	Respond (v), Response (n) (Word Family: <i>respond, response, responsive</i>)	Bản dịch: Họ hài lòng với phản hồi nhanh chóng của cô ấy. <i>Giải thích:</i> Đổi <i>respond</i> thành <i>response</i> .
		Participate (v), Participation (n)	Bản dịch: Ban giám khảo hài lòng với sự tham gia tích cực

Câu gốc / Ý tưởng (Original Idea)	Câu biến đổi (Adj + Prep + Noun/V-ing)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
He participated actively, and the judges were pleased with that.	The judges were pleased with his active participation.	(Word Family: <i>participate, participation, participant</i>)	của anh ấy. Giải thích: Chuyển participate thành participation.
They prepared carefully, and everyone was confident of that.	Everyone was confident of their careful preparation.	Prepare (v), Preparation (n) (Word Family: <i>prepare, preparation, prepared</i>)	Bản dịch: Mọi người tự tin về sự chuẩn bị kỹ lưỡng của họ. Giải thích: Đổi prepare thành preparation.

3. Quy Tắc "Vàng" Khi Chuyển Đổi

- Xác định cặp bài trùng:** Tìm giới từ đi kèm chính xác với tính từ (ví dụ: *surprised about/at, interested in, famous for*) [cite: 48].
- Chuyển hóa Word Family:** Nắm vững cách chuyển đổi qua lại giữa Tính từ $\rightarrow$ Danh từ hoặc sử dụng V-ing [cite: 48].
- Xác định chủ thể:** Sử dụng tính từ sở hữu (*my, his, her, their...*) trước Noun/V-ing nếu chủ ngữ của hai vế khác nhau [cite: 48].

4. Tại Sao Cấu Trúc Này Lại Quan Trọng?

- **Sự tinh tế:** Giúp câu văn thoát ý, không bị lặp lại những từ chỉ định chung chung như "that" hay "it" [cite: 48].
- **Tính học thuật:** Đây là cách diễn đạt thường thấy trong các bài thi IELTS/TOEIC để đánh giá khả năng linh hoạt về từ loại (Word Form) của thí sinh [cite: 48].

Chương trình tiếng Anh tương tác **"From ZERO to MASTER"** chạy trên các trình duyệt hiện đại (Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera) [cite: 48].

Mọi thắc mắc xin liên hệ: **Mr. Lê Đại Phong** |  Phone & Zalo: **0971386608** |  Email: **typhoon620@gmail.com** [cite: 48]

Luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp 12 tại: www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE** $\rightarrow$ [cite: 48]